

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **07/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 07/01/2022

V/v: “Xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Châu Văn B**

2. Ông **Trương Hoàng Hoa**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Dương Kim Cương** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:* ông **Đỗ Huỳnh Thanh Tân** kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 197/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 197/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Nguyễn Thị Trang A, sinh năm 1970 (có mặt)**

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang

- **Bị đơn:** **Nguyễn Phương B, sinh năm 1972 (vắng mặt)**

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Trang A trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh B qua tìm hiểu, tiến đến hôn nhân có tổ chức cưới năm 2000, có đăng ký kết hôn và được UBND xã N, huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02 ngày 22/01/2001. Sau khi kết hôn, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc cho đến thời gian khoảng đầu năm 2010 giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm nguyên nhân anh B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ bên ngoài, không thông cảm, đồng cảm, chia sẻ với chị. Anh, chị không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm nên đã ly thân từ khoảng cuối năm 2010 đến nay và không có biện pháp hàn gắn tình cảm

vợ chồng. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung tên Nguyễn Gia C, sinh ngày 25/10/2007 và Nguyễn Phương D, sinh ngày 01/10/2000. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Gia C, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, Nguyễn Phương D đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh B sẽ tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vợ chung: chị và anh B không có nợ chung.

** Bị đơn Nguyễn Phương B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến;*

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:**

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn Nguyễn Phương B vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng để dự phiên tòa đến lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Phương B.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị A và anh B tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới vào năm 2000. Ngày 22/01/2001, anh, chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị A xin ly hôn với anh B, anh B cư trú tại ấp M, xã N, huyện Chợ Gạo. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "xin ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo và được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn ban đầu giữa vợ chồng anh B và chị A không lớn nhưng anh, chị không tự khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên anh, chị đã ly thân từ khoảng cuối năm 2010 cho đến nay và không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm dẫn đến chị A xin ly hôn. Anh B được Tòa án triệu tập nhiều lần đến để trình bày ý kiến, dự hòa giải và dự phiên tòa về việc chị A xin ly hôn nhưng anh vẫn vắng

mặt không đến, điều này chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị A và quan hệ hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị A xin ly hôn là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị A và anh B có 02 con chung tên Nguyễn Gia C, sinh ngày 25/10/2007 và Nguyễn Phương D, sinh ngày 01/10/2000. Ly hôn, chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Gia C còn Nguyễn Phương D đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Xét thấy, cháu Nguyễn Gia C hiện đang sống ổn định cùng chị A, cháu C có nguyện vọng được sống cùng mẹ, anh B vắng mặt và không có ý kiến về việc nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo cho cháu C có cuộc sống ổn định phát triển toàn diện về mọi mặt, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho chị A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu C là phù hợp nguyện vọng của con, điều kiện chăm sóc, hoàn cảnh cuộc sống của các bên và phù hợp quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

[5] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh B vắng mặt, chị A trình bày chị và anh B sẽ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không giải quyết. Trường hợp các bên có tranh chấp sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về nợ chung: Anh B vắng mặt, chị A trình bày chị và anh B không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vì thế Hội đồng xét xử không giải quyết. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị A phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị A được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng anh B tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

[10] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự; đối với yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trang A.**

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Trang A được ly hôn với anh Nguyễn Phương B.

2. Về con chung: chị Nguyễn Thị Trang A được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Gia C, sinh ngày 25/10/2007.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Trang A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004837 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy, chị A đã nộp xong án phí.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị Trang A được quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng anh Nguyễn Phương B tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã N;
- Nông trường;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phạm Văn Tài

